TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2023/DS-PT
Ngày 29/3/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu

Bà Trịnh Thị Ánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Bích Lương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 575/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng thi công". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1070/2023/QĐ-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH B.

Trụ sở: Số 207, Đ.B.P, Khóm O, Phường S, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bảo T, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Số 290 A.D.V, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 493A/101 C.M.T.T, Phường E, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ban Quản lý Tòa nhà E (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 290 A.D.V, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc V và Công ty TNHH B (sau đây gọi là Công ty B) ký Hợp đồng thiết kế thi công nội thất số 01/2017/HĐTKTCNT ngày 11/6/2019, giá trị Hợp đồng là 240.000.000 VNĐ. Sau khi ký hợp đồng Công ty bắt đầu thi công các hạng mục theo hợp đồng. Hợp đồng đã hoàn thiện đến giai đoạn cuối nhưng bà V thay đổi yêu cầu lót sàn gỗ. Công ty yêu cầu bà V ký thanh lý hợp đồng trên và ký tiếp hợp đồng khác nhưng bà V không đồng ý và tự đơn phương chấm dứt hợp đồng, không cho phép Công ty tiếp tục thi công và nghiệm thu công trình.

Sau khi tự ý hủy hợp đồng, bà V thuê một Công ty khác tiếp tục thi công và yêu cầu Công ty B phải trả tiền đối với những hạng mục công trình bà V yêu cầu Công ty khác làm. Do sợ ảnh hưởng đến uy tín của Công ty B nên Công ty B không đồng ý thanh toán mà yêu cầu bà V thanh lý hợp đồng.

Trong quá trình thi công, bà V đã thanh toán cho Công ty B số tiền là 120.000.000 VNĐ và 30.000.000 VNĐ phát sinh hạng mục công trình khác. Tổng số tiền Công ty đã nhận của bà V là 150.000.000 VNĐ.

Đối với số tiền phát sinh ngoài hợp đồng, Công ty đã thực hiện cho từng hạng mục công trình khác phát sinh ngoài hợp đồng là 29.400.000 VNĐ, cụ thể: Vách kính bếp căn nhà khác số 03.02 là 4.950.000 VNĐ, lắp máy lạnh và ê kê là 4.200.000 VNĐ, lót gạch, đục và làm Loza là 5.400.000 VNĐ, ống đồng đổi thành ống inox 304 là 800.000 VNĐ, bóng đèn Led là 50.000 VNĐ, vẽ phối cảnh 3D là 14.000.000 VNĐ. Công ty B không tranh chấp các hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng này.

Đối với số tiền ký quỹ 30.000.000 VNĐ cho Ban quản lý Toà nhà E là do Công ty đóng, do thời gian thi công Công ty đã bị phạt 4.000.000 VNĐ, như vậy số tiền còn lại là 26.000.000 VNĐ. Do bà V không cho nghiệm thu công trình nên Công ty B chưa lấy lại được số tiền này. Công ty cũng không tranh chấp tiền ký quỹ này với bà V.

Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Ngọc V trả số tiền 50% giá trị hợp đồng còn thiếu là 120.000.000 VNĐ.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn - bà Nguyễn Ngọc V trình bày:

Ngày 11/6/2019, bà ký hợp đồng thi công hoàn thiện cơ bản căn hộ số A22.09 với Công ty TNHH B-DÉCOR, ông Nguyễn Bảo T là Giám đốc Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 240.000.000 VNĐ, phương thức thanh toán chia làm 02 đợt: Đợt 1 thanh toán ngay sau khi ký hợp đồng bà đã tạm ứng cho ông T

50% tương ứng với số tiền là 120.000.000 VNĐ; Đợt 2 bà sẽ thanh toán số tiền 45% sau khi ông T hoàn tất thi công căn hộ và 5% còn lại sẽ thanh toán sau 06 tháng kể từ ngày bàn giao căn hộ. Bà đã đưa cho Công ty B tổng số tiền là 150.000.000 VNĐ. Tuy nhiên trong quá trình thi công, ông T không có mặt tại căn hộ để giám sát cũng như không thanh toán tiền các vật tư như gạch lót nền toilet, sàn gỗ, len trần, tường nhà. Ngoài ra, khi thi công Công ty B làm hư hỏng một số nơi nên bà phải thuê thợ ngoài để sửa chữa, phía Công ty còn gây nên một số thiệt hại khác cho bà như là làm mất tài sản của chủ nhà, tráo dây nóng lạnh thiết bị vệ sinh, thi công vật tư không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn thi công công trình kéo dài. Nên ngày 16/8/2019, bà đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty B và thuê Công ty khác tiếp tục hoàn thiện căn hộ A22.09.

Đối với các hạng mục phát sinh Công ty đưa ra, bà không chấp nhận vì công việc Công ty làm có những hạng mục ghi nhận trong hợp đồng và những hạng mục phát sinh công ty tự ý làm không có trong hợp đồng đã ký. Đối với tấm kính cường lực gắn ở căn hộ số 03.02 là Công ty tặng, nay Công ty yêu cầu bà trả tiền thì bà đề nghị Công ty lên tháo dỡ.

Ngày 07/12/2020, bà Nguyễn Ngọc V có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty TNHH B trả số tiền mà Công ty đã gây thiệt hại cho bà là 49.215.500 VNĐ và tiền ký quỹ là 30.000.000 VNĐ.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập Ban quản lý Tòa nhà E đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa và có ý kiến về số tiền ký quỹ nhưng Ban quản lý Tòa nhà E đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của đương sự.

Toà án nhân dân Quận M đã tiến hành hoà giải, nhưng các bên không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án, nên đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 360/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử***:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Ngọc V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền 51.951.250 (Năm mươi mốt triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V đối với yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH B phải trả số tiền 49.215.500 (Bốn

mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng do thi công không đúng chất lượng và rút ruột công trình.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà V về số tiền ký quỹ 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự;

Ngày 12/10/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V có đơn kháng cáo bản án sơ dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới, không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Ngày 12/10/2022 bị đơn bà Nguyễn Ngọc V có đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2022/DS-ST ngày 28/9/ 2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc V đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Người tham gia tố tụng trong vụ án đã được tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án được xác định đúng.

[2] Nhận thấy, bị đơn bà Nguyễn Ngọc V kháng cáo đề nghị tòa phúc thẩm xem xét lại sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn là Công ty TNHH B, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bà và buộc nguyên đơn phải trả cho bà với tổng số tiền là 79.215.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc V, nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn Công ty TNHH B khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 50% số tiền thi công thiết kế lắp đặt nội thất còn lại tương đương với số tiền 120.000.000 đồng theo Hợp đồng thiết kế thi công nội thất số 01/2017/HĐTKTCNT ngày 11/6/2019.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Ngọc V có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty TNHH B trả cho bà số tiền mà Công ty đã gây thiệt hại là 49.215.500 VNĐ và tiền ký quỹ là 30.000.000 VNĐ, tổng cộng là 79.215.000 VNĐ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bản án sơ thẩm đã nhận định như sau:

[4.1] Công ty B và bà Nguyễn Ngọc V có ký hợp đồng với nội dung: Công ty B thi công hoàn thiện cơ bản căn hộ A22.09 tại Tòa nhà E, địa chỉ 290 A.D.V, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hạng mục được nêu tại Điều 1 của hợp đồng; Tổng giá trị của hợp đồng là 240.000.000 VNĐ; Các bên thỏa thuận ký hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, bị đơn cho rằng Công ty B đã không thực hiện đúng cam kết như trong hợp đồng đã ký.

- Nguyên đơn và bị đơn có lời khai thống nhất về các công việc, hạng mục thi công công trình mà nguyên đơn đã thực hiện theo hợp đồng đã ký mặc dù hai bên chưa có nghiệm thu. Công trình về cơ bản là đã được hoàn thiện. Cả hai đều thống nhất công việc Công ty chưa thực hiện như lót sàn nhựa, đóng len trần, len tường, nguyên nhân xuất phát từ việc hai bên không thống nhất về việc bị đơn thay đổi sàn nhựa giả gỗ hiệu Kronno Vinyl 6mm sang sàn gỗ và yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán tiền sàn gỗ mới cho tiếp tục thi công.

- Do nguyên đơn không đồng ý thanh toán tiền sàn gỗ cho bị đơn nên bị đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng thi công, khóa thẻ thang máy không cho công nhân của nguyên đơn được phép vào căn hộ thi công tiếp các công việc còn dở dang. Hai bên chưa thanh lý hợp đồng, chưa thanh toán số tiền còn lại thì bị đơn thuê ngay Công ty khác thực hiện thi công tiếp để hoàn thiện căn hộ. Do vậy, bị đơn là người đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên đã ký, lỗi dẫn đến hợp đồng không tiếp tục thực hiện là do bị đơn có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng thi công.

[4.2] Công việc mà Công ty B chưa thi công được xác định là lót sàn nhựa, đóng len trần, len tường. Do sản phẩm sàn nhựa giả gỗ hiệu Kronno Vinyl 6mm không còn sản phẩm trên thị trường nên căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về giá sàn nhựa giả gỗ hiệu Kronno Vinyl 6mm tại thời điểm thi công là 525.000VNĐ/m^2, giá len trần thạch cao được tham khảo là 20.000 VNĐ/m và

len tường nhựa được tham khảo là 50.000VNĐ/m (các giá trên đã bao gồm giá nhân công lắp đặt). Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ căn hộ A22.09 ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận M có diện tích thực tế cụ thể như sau:

- Giá trị lót sàn nhựa giả gỗ hiệu Kronno Vinyl 6mm là: 67,35m^2 x 525.000 VNĐ = 35.358.750 VNĐ.

- Giá trị đóng trần thạch cao là: 20.000 VNĐ x 42m = 840.000 VNĐ.

- Giá trị đóng len tường là: 50.000 VNĐ x 37m = 1.850.000 VNĐ.

Như vậy, các hạng mục công việc mà Công ty B chưa thi công tại căn hộ A22.09 có giá trị là: 38.048.750 VNĐ. Do các bên đương sự đều xác nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 VNĐ, nên số tiền còn lại sau khi trừ đi các giá trị công việc mà nguyên đơn chưa thực hiện là 38.048.750 VNĐ, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 51.951.250 VNĐ.

[5] Về yêu cầu phản tố của bị đơn bản án sơ thẩm nhận định như sau:

[5.1] Bà V yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả số tiền 49.215.500 VNĐ gồm: Tiền do Công ty B thực hiện không đúng chất lượng, rút ruột công trình là 39.215.000 VNĐ và 10.000.000 VNĐ là phần thiệt hại do Công ty B gây ra.

- Bà V cung cấp một số hình ảnh chụp để chứng minh cho việc chất lượng các hạng mục do Công ty B thực hiện là không đạt chất lượng. Tuy nhiên, các ảnh chụp trên chỉ là ảnh photo không thể hiện rõ vị trí, nơi chụp và có phải là hình ảnh tại vị trí căn hộ nơi Công ty B thực hiện không nên về mặt nguồn chứng cứ thì những tài liệu trên do bị đơn cung cấp không đảm bảo được tính khách quan của chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, để có căn cứ xác định khối lượng công việc của Công ty B thi công, các thiết bị lắp đặt trong căn hộ tương ứng với giá trị đã thi công và giá trị còn lại khi hoàn thiện căn hộ theo hợp đồng; xác định khối lượng công việc của Công ty khác do bị đơn thuê thi công, đánh giá giá trị và chất lượng thiết bị đã thi công của Công ty TNHH B. Tòa án nhân dân Quận M đã có Quyết định trưng cầu kiểm định số 12/2021/QĐ-TCGĐ ngày 08/12/2021 giao và thông báo cho bà Nguyễn Ngọc V đóng chi phí kiểm định chất lượng công trình, tuy nhiên bà V không thực hiện đóng chi phí kiểm định nên không xác định khối lượng các hạng mục không đạt chất lượng và khắc phục phần thiệt hại do Công ty B gây ra. Do vậy, căn cứ theo quy định tại điều 159, điểm đ khoản 1 điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà V về việc Công ty B rút ruột công trình và bồi thường những tổn thất là 49.215.500 VNĐ.

[5.2] Bà V yêu cầu của đối với số tiền 30.000.000 VNĐ ký quỹ nộp cho Ban quản lý Tòa nhà E: Theo nguyên đơn trình bày thì số tiền trên là của Công

ty nộp cho Ban Quản lý Tòa nhà vào ngày 18/6/2019, ngược lại bị đơn trình bày số tiền 30.000.000 VNĐ tiền ký quỹ là do bà V đưa cho Công ty B đóng và có tin nhắn Viber của ông T đại diện của Công ty thừa nhận. Hội đồng xét xử sơ thẩm, căn cứ vào Phiếu thu số 0012977 ngày 18/6/2019 của Ban quản lý Tòa nhà E thể hiện ông Nguyễn Bảo T đã nộp số tiền 30.000.000 VNĐ với nội dung thu là ký quỹ thi công căn hộ A22.09. Ngoài ra, tin nhắn xác nhận viber của ông T (đại diện cho Công ty B) xác nhận sau ngày Ban quản lý Tòa nhà cấp biên lai, ông T cũng không thừa nhận và có nêu số tiền 30.000.000 VNĐ là tiền thi công các hạng mục phát sinh. Mặt khác, ông T và bà V đều xác nhận trong quá trình thi công hai bên đã giao nhận số tiền là 150.000.000 đồng. Do vậy, số tiền 30.000.000 đồng ký quỹ trên được xác định do Công ty B nộp cho Ban quản lý Tòa nhà Ekhi thi công căn hộ số A22.09 của bà Nguyễn Ngọc V.

Từ những nhận định trên đây tòa án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đình chỉ và bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

[6] Nhận định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét đánh giá đầy đủ khách quan toàn bộ chứng cứ có tại hồ sơ và ra phán quyết phù hợp có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc V kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Những nội dung mà bà V nêu ra đã được tòa án cấp sơ thẩm nhận định làm rõ tại bản án sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 360/2022/DS-ST ngày: 28/9/ 2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Các nội dung, quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Ngọc V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền 51.951.250 (năm mươi mốt triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Ngọc V đối với yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH B phải trả số tiền 49.215.500 (bốn mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng do thi công không đúng chất lượng và rút ruột công trình.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà V về số tiền ký quỹ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Công ty TNHH B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.402.438 (Ba triệu bốn trăm linh hai nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035665 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH B còn phải nộp thêm số tiền chênh lệch là 402.438 (bốn trăm linh hai nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng.

4.2. Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.558.688 (sáu triệu năm trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi tám) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.980.388 (một triệu chín trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049846 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Ngọc V còn phải nộp thêm số tiền là 4.578.300 (bốn triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0019037 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Tp. Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Ngọc V đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND Quận M, Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận M, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Hương